

Lý thuyết phê phán của trường phái Frankfurt

Nguyễn Chí Hiếu *

Tóm tắt: Lý thuyết phê phán của trường phái Frankfurt có ảnh hưởng mạnh mẽ tới trào lưu cánh tả phương Tây; đồng thời, trường phái này còn đi tiên phong trong việc chống lại ảnh hưởng của chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa thực chứng và thuyết kỹ trị. Lý thuyết phê phán chỉ ra tác động tiêu cực của khoa học - kỹ thuật và tiến hành phê phán xã hội công nghiệp phát triển Tây Âu từ giác độ triết học xã hội.

Từ khóa: Trường phái Frankfurt; lý thuyết phê phán; chủ nghĩa Mác phương Tây.

1. Mở đầu

Trường phái Frankfurt là một trào lưu tư tưởng lớn ở phương Tây thế kỷ XX. Các đại biểu của trường phái này đã cố gắng phát triển chủ nghĩa Mác nhằm phê phán xã hội tư sản hiện đại (Lý thuyết phê phán) và chỉ ra con đường khắc phục sự nô lệ, tha hóa của con người phương Tây hiện đại. Tư tưởng của trường phái này có ảnh hưởng rất sâu rộng ở phương Tây, đặc biệt là ở Mỹ. Nó trở thành cơ sở nền tảng, cương lĩnh cho toàn bộ phong trào cánh tả ở phương Tây. Bài viết phân tích những nội dung cơ bản của Lý thuyết phê phán qua khảo sát tư tưởng của những đại biểu của trường phái Frankfurt và những ảnh hưởng về tư tưởng của lý thuyết này ở phương Tây.

2. Nội dung của Lý thuyết phê phán

Trường phái Frankfurt bắt đầu ở nước Đức từ thời điểm Horkheimer (1895 - 1973) lên giữ chức Viện trưởng Viện Nghiên cứu Xã hội trực thuộc Đại học Frankfurt [5]. Nhưng, trên thực tế, quá trình hình thành các quan điểm triết học của M.Horkheimer và các cộng tác viên gắn gũi với ông như T.W.Adorno (1903 - 1969), F.Pollock

(1894 - 1970), H.Marcuse (1898 - 1979) và E.Fromm (1900 - 1980) đã bắt đầu diễn ra ngay từ những năm 1920. Có thể thấy rằng, ba lĩnh vực khảo sát chủ yếu của Lý thuyết phê phán là: kinh tế với tư cách là cơ sở của xã hội; sự phát triển tâm lý của cá nhân; văn hóa [2, tr.142]. Trong đó, Horkheimer và các trí thức Đức khác đã cố gắng khai thác triết học Kant, Hegel, Mác và đặc biệt đã kết hợp giữa học thuyết Mác với phân tâm học Freud để xây dựng nên một Lý thuyết phê phán xã hội. Nhóm triết gia tại Viện Nghiên cứu Xã hội đã quay lại với “triết học phê phán” của Kant, với “phương pháp biện chứng” duy tâm của Hegel; luận giải ảnh hưởng của Hegel đối với triết học Mác theo tinh thần của chủ nghĩa Mác mới phương Tây mà G.Lukács là người khởi xướng. Đối tượng của Lý thuyết phê phán chính là những phân tích mang tính chất phê phán về xã hội tư bản chủ nghĩa. Nhiệm vụ của lý thuyết đó là vạch trần cơ chế

(*) Tiến sĩ, Học viện Chính trị Khu vực I.
ĐT: 0913532421. Email: nguyenchihieu_05@yahoo.com.
Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (Nafosted) trong đề tài mã số: I1.6-2013.03.

thống trị và áp bức của xã hội tư bản đương thời, chỉ rõ bản chất tư tưởng hệ của nó nhằm giải phóng cá nhân, hướng tới xây dựng một xã hội hợp lý. Qua các phân tích triết học xã hội của mình, cả Horkheimer và Adorno đều chỉ rõ “tính chất cực quyền”, độc đoán của xã hội và của chế độ cầm quyền tư bản chủ nghĩa, vạch ra tính tất yếu cần phải thay đổi nó. Lý thuyết phê phán muốn đem lại cho triết học ý nghĩa thực tiễn và vai trò trung tâm đối với xã hội và thông qua đó, hứa hẹn xây dựng được những mối quan hệ tốt đẹp hơn trong một xã hội tương lai.

Các nhà lý luận của trường phái Frankfurt coi tác phẩm kinh điển đầu tiên và cơ bản của Lý thuyết phê phán là tác phẩm Lý thuyết truyền thống và lý thuyết phê phán (1937) của Horkheimer. Horkheimer hiểu Lý thuyết truyền thống là niềm tin trụ vững trong khoa học tự nhiên và đặc biệt trong xã hội học tư sản dựa trên luận điểm: khoa học rút ra lý thuyết toàn vẹn, không mâu thuẫn về mặt logic từ các dữ liệu cảm tính, kinh nghiệm. Theo Horkheimer, giữa xã hội học kinh nghiệm ở các nước nói tiếng Anh và triết học xã hội ở Đức không có khác biệt mang tính nguyên tắc nào trong luận giải về lý thuyết khoa học. “Tiến bộ kỹ thuật ở thời đại tư sản không tách rời khỏi chức năng như vậy của hoạt động khoa học. Một mặt, hoạt động khoa học làm cho các dữ liệu trở nên hữu ích cho tri thức có thể áp dụng, sử dụng với những điều kiện hiện có, mặt khác, tri thức khoa học áp dụng được vào những dữ liệu” [9, t.2, tr.143].

Lý thuyết phê phán không đơn giản chỉ ra tính vô căn cứ về mặt triết học của Lý thuyết truyền thống thực chứng mà còn có kỳ vọng vạch ra các cơ sở xã hội và chức

năng xã hội của nó. Sau vài năm, Horkheimer tiếp tục chủ đề này trong tác phẩm “Sự lu mờ của lý tính” [7, tr.230] (cuốn sách “Góp phần phê phán lý tính công cụ” là bổ sung cho tác phẩm này). Khi đó, bản thân Lý thuyết phê phán được giả định là lý thuyết về “tự ý thức phê phán của con người”: “Tự nhận thức của con người ở thời hiện đại không phải là khoa học tự nhiên toán học thể hiện như thần ngôn vĩnh cửu, mà là Lý thuyết phê phán về xã hội hiện tồn phục tùng thái độ quan tâm đến các điều kiện hợp lý” [9, t.2, tr.147]. Song, ở đây, cách tiếp cận giai cấp, lịch sử cụ thể lại vắng mặt trong tư tưởng của Horkheimer.

Theo Horkheimer và các học giả của trường phái Frankfurt, sự tập trung, tích tụ tư bản cao độ, sự quan liêu hóa quá mức trong xã hội tư bản hiện đại đã làm triệt tiêu tính sáng tạo, tính năng động, tự chủ của cá nhân và đẩy họ vào trong “một thế giới hành chính” chặt chẽ, nặng nề. “Thế giới hành chính hóa” này cuối cùng sẽ tiến hành kiểm soát toàn bộ các cá nhân trong xã hội và hệ quả là dẫn tới sự đè nén đối với tự do, sáng tạo cá nhân. “Lý tính Khai sáng” tốt đẹp trước đây đã bị biến thành “Lý tính có tính phương tiện” và “chỉ nhắm tới mục đích”. Cái “Lý tính phương tiện này” xem con người và thế giới chỉ duy nhất dưới lăng kính lợi ích, làm cho mối quan hệ giữa các cá nhân với nhau trong xã hội bị vật hóa, chỉ đơn thuần là những mối quan hệ có tính chất trao đổi. Horkheimer muốn rút ra các bài học kinh nghiệm và phương pháp luận từ sự thất bại của “Lý tính Khai sáng” nhằm tạo ra những điều kiện mới cho một khoa học khách quan, dưới hình thức một sự phân tích biện chứng kết hợp với lý thuyết tâm lý học và xã hội học khi nghiên cứu về xã hội đương đại. Chính tại đây,

Horkheimer và các đồng nghiệp của mình cũng đã tiến hành phê phán triết học thực dụng đang nổi lên tại Mỹ lúc đó, đồng thời chỉ rõ những tác động tiêu cực của thế giới bị khoa học hóa và kỹ thuật hóa cao độ trong chủ nghĩa tư bản đối với tồn tại của con người.

Có thể khái quát lịch sử hình thành và phát triển Lý thuyết phê phán của trường phái Frankfurt đến giữa những năm 1970 qua hai giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất bắt đầu từ năm 1930; ở giai đoạn này Horkheimer, Adorno và Marcuse triển khai tư tưởng, đánh giá về chủ nghĩa phát xít và chủ nghĩa tự do. Adorno công khai viết rằng, “quan điểm thực chứng về thực tại” được hoàn tất trong “công nghệ duy lý” của các trại diệt chủng phát xít. Thậm chí, toàn bộ khoa học thực chứng cùng với xu hướng toán học hóa và duy nghiệm dường như chỉ là sản phẩm của ý thức tư sản và là cội nguồn củng cố quan niệm “công cụ” về chân lý, là công cụ thống trị của con người đối với tự nhiên và đối với con người. Sau đó là quá trình triển khai các tư tưởng này trong “siêu phê phán lý luận nhận thức” của triết học tư sản (từ Descartes đến Husserl) ở Adorno, trong “phê phán lý tính công cụ” (từ Kant đến chủ nghĩa thực chứng) ở Horkheimer. Giai đoạn thứ hai bắt đầu vào những năm 1960 đó là, giai đoạn mới trong phát triển của Lý thuyết phê phán. Từ giai đoạn phát triển trước đó, lý thuyết này giữ lại tư tưởng phê phán triết học đối với chủ nghĩa thực chứng, chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa duy lý. Ở giai đoạn này, Lý thuyết phê phán phê phán dữ dội chủ nghĩa Mác Xô-viết, coi nó chỉ là biến thể ý thức bị tha hóa của mọi xã hội tiêu dùng và sản xuất hàng hóa. Các đại diện của Lý thuyết phê phán cũng khảo cứu cách mạng khoa học -

kỹ thuật trong điều kiện chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Habermas cổ xây dựng lý thuyết “thông thạo giao tiếp” có nhiệm vụ minh biện về mặt triết học cho thực tiễn của các cải cách dân chủ xã hội. Cùng với Marcuse, ông nhấn mạnh rằng, với tư cách sản phẩm của xã hội tư sản, giai cấp lao động dường như không sở hữu “thông thạo giao tiếp” để lĩnh hội các tư tưởng siêu việt hóa hiện thực và hoàn toàn bị tích hợp vào “xã hội công nghiệp phát triển”. Habermas muốn dựa vào “giới trí thức có tư duy phê phán” để sử dụng ở bên trong bản thân bộ máy quản lý nhà nước các phương tiện hình thành dư luận xã hội (trường phổ thông, trường đại học, truyền hình, truyền thanh, in ấn, quản lý nhà nước) cho các cải cách “cấp tiến” theo tinh thần của “chủ nghĩa xã hội dân chủ”.

3. Ảnh hưởng của Lý thuyết phê phán ở phương Tây

3.1. Định hướng, đặt nền móng tư tưởng cho trào lưu cánh tả mới

Cùng với phát triển của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước và cách mạng khoa học - kỹ thuật đi liền với những hậu quả xã hội của nó, những người bảo vệ Lý thuyết phê phán đã đi đến kết luận về khả năng tuyệt đối của ý thức “một chiều” mang tính chất thực chứng, công cụ, biện hộ tư sản; ý thức này điều khiển ý thức của đại chúng nhờ phổ biến các nhu cầu nhân tạo, “tha hóa” thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng. Theo họ, hy vọng vào khả năng hình thành ý thức giai cấp cách mạng của giai cấp vô sản đã hoàn toàn tiêu tan: trong điều kiện cách mạng khoa học - kỹ thuật, chỉ những kẻ giá rẻ, bộ phận sinh viên, trí thức với tư duy phê phán mới có khả năng loại bỏ tư duy thực chứng “một chiều”, thoát ra khỏi khuôn khổ ấy. Họ cho

rằng, “hệ tư tưởng Xô-viết” dường như đánh tráo chủ nghĩa Mác phê phán bằng hệ tư tưởng giáo điều, thực chứng, cực quyền và nhào nặn ý thức mọi người thành ý thức “một chiều”.

Từ đó, phái cánh tả cấp tiến yêu cầu quay trở lại với tư tưởng là cần tạo ra “cảm xúc mới” [1, tr.8] của con người có tư duy phê phán, được giải phóng khỏi mọi xiềng xích của hệ tư tưởng và đạo đức tư sản, biết cách sử dụng các đòn bẩy của chính sách phân quyền uy, thực hiện cách mạng văn hóa và tạo dựng một xã hội hoàn toàn mới. Như vậy, Lý thuyết phê phán cố gắng trở thành ngọn cờ của trào lưu “cánh tả mới”.

Nhiệm vụ nêu trên được Horkheimer thực hiện không phải dựa trên quan niệm duy vật về lịch sử phát triển xã hội, mà bằng cách khẳng định các lực lượng tự phát, nhân tạo và tha hóa của sản xuất hàng hóa chế ngự con người và do vậy, đóng vai trò giống như các quy luật tự nhiên. Chỉ có “ý thức giả dối” mới luận giải các lực lượng ấy như các lực lượng “khách quan” và các nhà Lý thuyết phê phán kêu gọi phải khắc phục tính khách quan của chúng. Họ hiểu chủ nghĩa duy vật là hệ tư tưởng nhất thời: không phải chủ nghĩa duy vật lịch sử mà một quan niệm khác sẽ trở thành cơ sở cho quan niệm mới về xã hội và lịch sử trong xã hội được giải phóng khỏi sự thống trị, tất yếu của kinh tế. Chủ nghĩa Mác Xô-viết cùng với việc bản thể luận hóa phép biện chứng và tuyệt đối hóa các quy luật biện chứng như các quy luật vĩnh cửu và bất biến bị bác bỏ. Định hướng như vậy thể hiện rất rõ trong tác phẩm “Góp phần phê phán lý tính công cụ” của Horkheimer [8, tr.233].

Ông không muốn đứng trên lập trường của giai cấp cách mạng, mà muốn tiến hành

phê phán từ lập trường của cá nhân “nằm ngoài giai cấp có tư duy phê phán” (thực ra là trí thức tư sản). Vào năm 1937, khi đang sống ở Mỹ, Horkheimer thường sử dụng hệ thuật ngữ mác xít, nhận thấy chủ nghĩa tư bản là cơ sở của mọi mâu thuẫn, song ông không tìm kiếm lối thoát ở cách mạng vô sản, mà suy luận về vượt bỏ mâu thuẫn “ý thức của cá nhân về mục đích, tính tự phát, tính hợp lý và quan hệ lao động cơ bản trong xã hội” [9, t.2, tr.159 -160]. Chính tác phẩm này của Horkheimer và tác phẩm “Lý tính và cách mạng” của Marcuse cho phép nói tới sự gần gũi của những người theo Lý thuyết phê phán với hệ tư tưởng vô sản. Horkheimer công khai nói rằng, giai cấp vô sản tạo ra lợi ích cho phép nhận thức các mâu thuẫn của quan hệ sản xuất ở xã hội tư sản và đưa đến kết luận về khả năng của một xã hội hợp lý hơn. Song, ông lại hoài nghi: “Nhưng tình cảnh của giai cấp vô sản trong xã hội này không đem lại đảm bảo nào cho nhận thức đúng” [9, t.2, tr.162]. Lý thuyết phê phán cho rằng giai cấp vô sản ngày càng không có năng lực xây dựng và lãnh hội “ý thức siêu vượt xã hội hiện tồn”, không thực sự cách mạng, chỉ “giới trí thức có tư duy phê phán” mới là lực lượng có năng lực phát triển và duy trì ý thức cách mạng. Hơn thế, Horkheimer còn khẳng định rằng, nói chung không nên đứng trên lập trường của giai cấp vô sản, cho dù ở những năm 1930 - 1940 ông vẫn có kỳ vọng Lý thuyết phê phán trở thành “phương diện trí tuệ của quá trình giải phóng giai cấp vô sản” [9, t.2, tr.164].

Thực ra, khi luận chiến với Marcuse, Habermas giả định rằng, không phải các quy luật khách quan của quan hệ sản xuất, mà các quan hệ chủ quan, hữu thức giữa các cá nhân là lực lượng cứu rỗi, đứng đối

lập với “thống trị” của tính duy lý kỹ thuật. Nhưng, đây chỉ là công việc của các sinh viên, của giới trí thức, của một số nhà kỹ trị có tư duy phê phán [4, tr.57, 63, 100].

3.2. *Phê phán chủ nghĩa thực chứng và thuyết kỹ trị*

Theo Habermas, cần phải khước từ mệnh lệnh của tính hợp lý công nghệ với tư cách là yếu tố quyết định những giải pháp của mình và phải xuất phát từ các chuẩn tắc mới, lẽ sống mới nhằm làm gia tăng tự do, phát triển nhân cách, nâng cao tính chủ quan. Chỉ thông qua phản tư của tự ý thức có phê phán, các nhà kỹ trị ấy mới có thể cải biến được tâm thế của mình. Vì khoa học trở thành lực lượng sản xuất chủ yếu, còn trí thức có tư duy phê phán là đại diện và sản phẩm của nó, nên không phải giai cấp lao động bị nhấn chìm trong “ý thức hạnh phúc” về những nhu cầu giả dối được kỹ thuật đáp ứng, mà chính trí thức trở thành chủ thể của các cải cách xã hội. Lý thuyết giá trị lao động của Mác cũng bị Habermas xét lại: không phải lao động của công nhân, mà lao động của trí thức, không phải lao động chân tay mà lao động trí óc mới trở thành nguồn gốc của giá trị, kể cả giá trị thặng dư trong điều kiện xã hội công nghiệp phát triển cao.

Ở đây, có thể nhận thấy điểm tương đồng và dị biệt giữa Marcuse tả khuynh và Habermas hữu khuynh trong khuôn khổ trường phái Frankfurt. Với Marcuse, không ai, kể cả người có tư duy phê phán, có thể đưa ra giải đáp khoa học cho vấn đề này. Còn Habermas thì quan niệm rằng: dưới biến thể phê phán của mình, nhờ tự phản tư, bản thân khoa học có thể tìm ra câu trả lời và các giải pháp mới.

Tuyệt đối hóa tính độc lập tương đối của các hiện tượng thượng tầng kiến trúc và

tách biệt “tính một chiều” của con người không phải từ bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, mà từ “ý thức một chiều” của xã hội này, các đại diện của trường phái Frankfurt luận giải xã hội nhờ phê phán khái niệm “tổng thể”. Adorno viết: “Tổng thể xã hội không thực hiện một cuộc sống xã hội nào ở trên bề mặt và đối với những gì nó hợp nhất, những gì nó cấu thành. Nó sản xuất và tái sản xuất bản thân thông qua những vòng khâu riêng biệt của mình” [10, tr.127]. Mặc dù tư tưởng này được phát triển trong cuộc luận chiến chống lại chủ nghĩa thực chứng, song nó dẫn tới việc phủ định các quy luật khách quan của đời sống xã hội.

Cần lưu ý tới nhận định nêu trên khi xem xét quan hệ giữa Lý thuyết phê phán với các lý thuyết về xã hội công nghiệp ở những năm 1950 - 1960 của thế kỷ XX. Khác với các lý thuyết thực chứng, tư tưởng của trường phái Frankfurt ngay từ đầu đã không thừa nhận rằng tính hợp lý của xã hội công nghiệp phát triển cao là phương tiện xóa bỏ các mâu thuẫn của nó; mà thừa nhận rằng chỉ tính hợp lý ấy là phương thức che đậy và phủ định hư ảo bản chất mâu thuẫn, thực sự phi hợp lý của xã hội này.

Horkheimer tuyên bố chủ nghĩa thực chứng mới là kết quả phát triển của toàn bộ hệ tư tưởng tư sản. Các tư tưởng này được ông hình thành cùng Adorno trong tác phẩm “Biện chứng của Khai sáng”. Song, các tác phẩm ở thời kỳ đó có chung một hạn chế, đó là đã không phê phán gay gắt các hậu quả xã hội của tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong điều kiện xã hội công nghiệp phát triển. Dừng lại ở việc phê phán lý thuyết thực chứng mới và “lý tính công cụ”, Horkheimer và Adorno mặc dù chuẩn bị cho tác phẩm của Marcuse về mặt lý luận,

song chưa chuyển sang phê phán công khai bản thân xã hội phi hợp lý chỉ dựa trên “lý tính” đó. Marcuse đã thực hiện điều này vào giữa những năm 1960 và sau đó, ông trở thành nhà tư tưởng nổi tiếng và quan phương của phái “cánh tả mới” ở Mỹ và ở Tây Âu.

3.3. Phê phán xã hội công nghiệp phát triển Tây Âu từ giác độ triết học xã hội

Tiếp thu tinh thần “phê phán” của Mác, các đại diện của trường phái Frankfurt đã tiến hành phê phán xã hội công nghiệp phát triển, vạch trần các hình thức biểu hiện đặc thù của tha hóa hiện đại và nỗ lực luận giải nguyên nhân làm xuất hiện tha hóa đó [3, tr.94 - 99].

Vấn đề về khoa học và lý tính khoa học - kỹ thuật, về ứng dụng khoa học về mặt kỹ thuật và những hệ quả văn hóa xã hội của nó đã thu hút sự quan tâm của tất cả các đại diện của trường phái Frankfurt. Họ xuất phát từ tư tưởng của Mác về khoa học như lực lượng sản xuất trực tiếp và lưu ý tới vai trò ngày một tăng của khoa học trong phát triển xã hội. Sau đó, xuất phát từ cách mạng khoa học - kỹ thuật diễn ra ở thế kỷ XX, các đại diện của trường phái Frankfurt có thái độ tiêu cực đối với cách mạng khoa học - kỹ thuật, vì giờ đây nó đã trở thành phương tiện quân phiệt hóa nền kinh tế của phần lớn quốc gia phương Tây, phục vụ cho sự tự duy trì loại hình văn minh đã trở nên lỗi thời - văn minh tư sản. Theo họ, cách mạng khoa học - kỹ thuật (tức là khoa học truyền thống và tính hợp lý nói chung) không tách rời khỏi cuộc chạy đua vũ trang và kết quả tất yếu của nó là chiến tranh cùng tất cả những gì biểu hiện cho khát vọng quyền lực. Từ đó, kết luận chung của các đại diện trường phái Frankfurt là: việc đẩy mạnh cách mạng khoa học - kỹ thuật

trong điều kiện văn minh tư sản có nghĩa là đẩy mạnh “con mê sảng tâm thần của lý tính điên rồ”, mà hệ quả của nó chính là nạn diệt chủng của chủ nghĩa phát xít.

Trường phái Frankfurt khước từ nhận thức và tiên đoán khoa học về các quy luật khách quan và về khả năng phát triển xã hội. Habermas trình bày quan niệm của ông về khoa học và kỹ thuật như “hệ tư tưởng”: niềm tin vào tiến bộ khoa học và kỹ thuật, vào phát triển tiến bộ của lực lượng sản xuất là một kiểu “ý thức giả dối” không muốn nhận thấy những mâu thuẫn của tiến bộ. Xét trên phương diện lịch sử tư tưởng, có thể nhận thấy những biến thể khác nhau của chủ đề này từ khái niệm “hợp lý” của M. Weber cho tới quan điểm “xã hội hậu công nghiệp” trong xã hội học Mỹ. Nhưng, đặc thù của các nhà lý luận trường phái Frankfurt là thái độ phủ định, “phê phán” triệt để hơn đối với các hiện tượng của chủ nghĩa duy lý tư sản dựa trên cơ sở xét lại học thuyết Mác về hệ tư tưởng. Họ tuyên bố rằng, sức mạnh của sự phê phán cho phép phá tan mạng lưới những quan niệm bị gán ghép từ bên ngoài, vốn bị nhào nặn, che lấp các mâu thuẫn xã hội khách quan và do vậy cần dựa vào sức mạnh ấy.

Marcuse đưa ra trong tác phẩm “Con người một chiều” một luận điểm mới, luận điểm đó tuyệt đối hóa vai trò của các phương tiện truyền thông đại chúng như công cụ nhào nặn ý thức và hành vi của con người trong xã hội công nghiệp phát triển. Luận điểm này đã có ở Horkheimer và Adorno ở một chừng mực nào đó, song nó thường bị che khuất trong việc phê phán chủ nghĩa duy lý thực chứng và trong việc tuyệt đối hóa chung chung khái niệm “thống trị”. Họ không nắm bắt được tính đặc thù của các yếu tố mới ở xã hội công

nghiệp phát triển và của tiến bộ khoa học - kỹ thuật, đã đẩy chúng xuống hàng thứ yếu. Thực ra, họ tiến hành phê phán các lý thuyết thực chứng mới về xã hội công nghiệp phát triển, chứ không phê phán bản thân xã hội công nghiệp phát triển.

Nói tóm lại, tinh thần phê phán xã hội tư bản chủ nghĩa của Mác được các đại diện của trường phái Frankfurt nỗ lực áp dụng vào việc phê phán nền văn minh công nghiệp phát triển, thông qua phân tích có phê phán hiện tượng cách mạng khoa học - kỹ thuật và những hệ quả văn hóa xã hội của nó. Cách mạng khoa học - kỹ thuật được nhìn nhận là quá trình làm cạn kiệt, giết chết giới tự nhiên và sản xuất, con người và xã hội bởi chính bản thân con người. Đây là tiếng chuông cảnh tỉnh chúng ta về những hệ quả nhân văn khôn lường do quá sùng bái tiến bộ khoa học - kỹ thuật mà lãng quên đi giới hạn của nó.

4. Đánh giá sơ bộ về Lý thuyết phê phán

Xuất phát từ luận điểm coi lý tính như lực lượng sáng tạo ra lịch sử, các nhà tư tưởng của trường phái Frankfurt cho rằng toàn bộ lịch sử “Khai sáng” phương Tây là sản phẩm của lý tính theo tinh thần của chủ nghĩa duy tâm cổ điển Đức: là dạng lý tính tự trị và “tự lập pháp”, đem gán ghép các quy luật của mình cho giới tự nhiên. Tóm lại, bí ẩn thực sự trong căn bệnh của lý tính khai sáng là quan niệm duy tâm của lý tính về bản thân mình. Vì vậy, theo Lý thuyết phê phán phương thức duy nhất để chữa trị nó là bước chuyển sang lập trường chủ nghĩa tự nhiên của trường phái Frankfurt. Các đại diện của trường phái Frankfurt cho rằng lối thoát duy nhất khỏi bối cảnh khủng khiếp hiện tại của con người và của xã hội công nghiệp phát triển là hạ thấp lý tính xuống cấp độ nhân tố điều tiết một cách tự

nhiên hành vi con người (giống như bản năng), không tách lý tính mình ra khỏi giới tự nhiên, không nhìn nhận giới tự nhiên như khách thể, mà lắng nghe những nhịp điệu và hòa nhịp với nó.

Cách mạng khoa học - kỹ thuật được các đại diện của trường phái Frankfurt quan niệm là nhân tố bao trùm lên tất cả mọi mặt đời sống con người và xã hội - kinh tế, chính trị, văn hóa, quan hệ giữa người với người, ý thức và tự ý thức con người. Cách mạng khoa học - kỹ thuật có tiền sử từ thời tiền thần thoại, kéo dài nhiều thế kỷ, kết thúc và đạt tới đỉnh điểm ở thế kỷ XX. Đây là quá trình hình thành toàn bộ thế giới đối tượng bao quanh con người, toàn bộ thế giới văn hóa xã hội, qua đó con người đối mặt với tính tổng thể (totalitaet) của những liên hệ và quan hệ vô cùng đa dạng bị trung gian hóa bởi lý tính và bị nó chế định như cái biểu thị khát vọng quyền lực.

Theo chúng tôi, không phải tự thân khoa học, tự thân kỹ thuật mà quan niệm tiêu cực về tiến bộ khoa học - kỹ thuật đến lối sống của con người hiện đại (cụ thể là chủ nghĩa duy khoa học, chủ nghĩa duy kỹ thuật, thuyết kỹ trị, tệ sùng bái đồng tiền, của cải vật chất, bạo lực, v.v.) mới tạo ra một lối sống phản văn hóa nhân văn truyền thống. Những thành tựu khoa học và kỹ thuật đã làm thay đổi đáng kể bộ mặt của thế giới và của con người. Những hậu quả tích cực của cuộc cách mạng công nghệ là rất đa dạng. Sức mạnh kỹ thuật đã mở ra những khả năng to lớn cho sự phát triển tinh thần theo các phương hướng khác nhau nhất. Tuy nhiên, tự thân kỹ thuật không kéo theo sự tiến bộ trong lĩnh vực văn hóa và tinh thần - đạo đức..., con người có nguy cơ đánh mất bộ mặt của riêng mình khi đối mặt với sức mạnh của kỹ thuật. Nói cách khác, nếu tuyệt

đổi hóa sức mạnh toàn năng của những thành tựu kỹ thuật, thì con người có thể vô tình đánh mất những giá trị nhân văn, như năng lực thấu hiểu và đồng cảm với người thân, khái niệm về cái thiện và cái ác, điều này kéo theo sự phi nhân văn hóa quan hệ xã hội và quan hệ của cá nhân với nhau.

Bên cạnh những đóng góp đáng ghi nhận (phát triển chủ nghĩa Mác trên nhiều luận điểm cơ bản cho phù hợp với xã hội phương Tây hiện đại, nhận diện về lý luận các mối quan hệ xã hội tư bản chủ nghĩa đương thời, vạch rõ bản chất bất bình đẳng, cơ chế “cực quyền” của nó, hướng con người cá nhân tới một thực tiễn xã hội tốt đẹp hơn, giải phóng cá nhân khỏi sự đè nén, kiểm soát của “thế giới hành chính hóa”, khỏi “thế giới kỹ thuật hóa cao độ”...), thì Lý thuyết phê phán cũng bị phê phán mạnh mẽ, không chỉ từ các nhà mácxít chính thống, mà còn từ phía các nhà mácxít mới phương Tây. Theo các nhà mácxít chính thống, Lý thuyết phê phán xã hội của trường phái Frankfurt có tính chất “duy tâm, tư sản”, vì nó chẳng cho thấy mối quan hệ hữu cơ nào với thực tiễn cách mạng và vì thế, Lý thuyết phê phán chỉ làm cho phong trào cách mạng trở nên bị cô lập và suy yếu đi. G.Lukács - (cha đẻ của chủ nghĩa Mác mới phương Tây) đưa ra nhận xét, thông qua hình ảnh ẩn dụ: các thành viên của trường phái Frankfurt đang sống trong “một khách sạn hạng sang” và từ ban công của khách sạn, với ly rượu ngon trên tay, họ ngắm nhìn sự khốn cùng của thế giới.

Dẫu vậy, một trong những đóng góp to lớn của Horkheimer và các đại biểu của Lý thuyết phê phán của trường phái Frankfurt là xác định được vấn đề “cốt tử” của xã hội phương Tây hiện đại - là sự tha hóa tinh thần của con người và cố gắng tìm con đường, biện pháp khắc phục sự tha hóa đó.

5. Kết luận

Tiếp thu tinh thần “phê phán” của Mác, các đại diện của trường phái Frankfurt đã tiến hành phê phán xã hội công nghiệp phát triển, đã vạch trần các hình thức biểu hiện đặc thù của tha hóa hiện đại, đã nỗ lực luận giải nguyên nhân làm xuất hiện tha hóa đó. Chủ nghĩa Mác phương Tây (hay chủ nghĩa Mác mới) ở Frankfurt cho thấy một cách tiếp cận và phát triển độc đáo học thuyết Mác trong điều kiện văn minh công nghiệp hiện đại. Nghiên cứu di sản lý luận của trường phái này cho phép chúng ta hiểu rõ hơn bản thân học thuyết Mác và những vấn đề xã hội ngày nay đặt ra cho tư tưởng mácxít.

Tài liệu tham khảo

- [1] A.Schmidt (1973), *Cảm xúc giải phóng*, Frankfurt a. Main.
- [2] Nguyễn Chí Hiếu, Đỗ Minh Hợp (2013), *Chủ nghĩa Mác phương Tây - trường phái Frankfurt*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Chí Hiếu (2013), “Trường phái Frankfurt và ảnh hưởng chính trị tại Phương Tây”, Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 3.
- [4] J.Habermas (1969), *Kỹ thuật và khoa học như là “hệ tư tưởng”*, Frankfurt a. Main.
- [5] J.Habermas (1969), *Phong trào phản kháng và cải cách đại học*, Frankfurt a. Main.
- [6] M.Horkheimer (1931), *Thực trạng triết học xã hội và các nhiệm vụ của một Viện Nghiên cứu Xã hội*, Frankfurt a. Main.
- [7] M.Horkheimer (1947), *Sự lu mờ của lý tính*, New York.
- [8] M.Horkheimer (1967), *Góp phần phê phán lý tính công cụ*, Frankfurt a. Main.
- [9] M.Horkheimer (1968), *Lý thuyết phê phán*, t.1, t.2, Frankfurt a. Main.
- [10] Th.W.Adorno (1969), *Về lôgic của lý thuyết khoa học xã hội - Cuộc tranh luận về chủ nghĩa thực chứng trong Xã hội học Đức*, Neuwied - Berlin.

